| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **THÀNH PHỐ BẮC KẠN** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **TỈNH BẮC KẠN** | |

Bản án số: 05/2020/HS - ST

Ngày: 10/01/2020.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Triệu Thị Vang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Kiên Cường** và bà **Đoàn Thị Nhâm**

Thư ký phiên toà: Bà **Lê Thị Lộc** – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà **Phùng Thị Thêu** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2019/TLST - HS, ngày 20 tháng 12 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST – HS, ngày 30 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo: **NGUYỄN VĂN T** - sinh ngày 10/11/1976 tại Bắc Kạn; nơi ĐKHKTT: thôn C, xã K, huyện M, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị T; có vợ là: Dương Thị L và 01 (một) con; tiền án: không; tiền sự: 01 (một): ngày 16/5/2019 bị công an huyện M, tỉnh Bắc Kạn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với mức xử phạt 1.500.000 đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) (Theo quyết định số 25/QĐ – XPVPHC); nhân thân: Nguyễn Văn T sinh ra và lớn lên tại tỉnh Bắc Kạn, được gia đình nuôi ăn học đến hết lớp 06/12 thì bỏ học ở nhà lao động tự do, nghiện chất ma túy từ năm 2017.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 21/8/2019 đến ngày 30/8/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nay tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

* **Người có quyền lợi liên quan**: Dương Thị L – sinh năm 1978; trú tại: thôn C, xã K, huyện M, tỉnh Bắc Kạn. (Có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08$^{h}$00$^{'}$ ngày 21/8/2019, tại khu vực tổ 10, phường P, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế và Ma túy Công an thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn bắt quả tang Nguyễn Văn T về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ trong lòng bàn tay phải của Nguyễn Văn T 03 (ba) gói nhựa màu trắng được dán kín hai đầu, bên trong mỗi gói đều có chứa chất bột màu trắng, có tổng khối lượng là 0,250 gam (không phẩy hai năm không gam). Tạm giữ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda màu đỏ trắng đen, biển kiểm soát 29Y1 - 107.62 kèm theo 01 (một) chìa khóa xe và 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu ITEL vỏ màu xám đã qua sử dụng.

Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Bắc Kạn tiến hành khám xét khẩn cấp đối với Nguyễn Văn T tại địa chỉ thôn C, xã K, huyện M, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn T khai nhận: khoảng 19 giờ ngày 20/8/2019, sau khi mua được 03 gói ma túy (heroine) với giá 500.000 đ (Năm trăm nghìn đồng) của một người đàn ông, không rõ lai lịch, địa chỉ, tại bến xe khách BK thuộc tổ 9b, phường Đ, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn, Nguyễn Văn T đem số ma túy về cất giấu tại nhà ở của mình thuộc thôn C, xã K, huyện M, tỉnh Bắc Kạn. Sáng ngày 21/8/2019, Nguyễn Văn T lấy 03 (ba) gói ma túy để trong túi áo ngực của T đang mặc rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 29Y1 – 107.62 từ nhà đi đến huyện B, tỉnh Bắc Kạn mua bí xanh về bán. Khi đi đến khu vực tổ 10, phường P, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn, Nguyễn Văn T dừng lại và lấy 03 (ba) gói ma túy trong túi áo ngực ra cầm trong lòng bàn tay phải để kiểm tra xem có bị rơi hay không thì bị bắt quả tang cùng vật chứng.

Tại bản Kết luận giám định số 128/KTHS – MT, ngày 27/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: *Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 0,250g (không phẩy hai năm không gam).*

Tại bản cáo trạng số: 01/CT - VKSTPBK, ngày 19 tháng 12 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo điểm c, khoản 1, điều 249/ BLHS.

* **Điều luật có nội dung**: *"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*: *a)…*

*c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR – 11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam".*

Tại phiên toà: * Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T. Đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Về hình phạt chính: đề nghị áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 249; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS: xử phạt bị cáo T từ 12 tháng đến 15 tháng tù;

- Hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo T.

- Về vật chứng: đề nghị áp dụng Điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS: tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước phong bì ký hiệu T128, 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước phong bì ký hiệu A2; Tạm giữ: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL vỏ màu xám đã qua sử dụng bên trong có chứa 01 (một) sim điện thoại Viettel để đảm bảo thi hành án cho bị cáo T; Trả lại cho chị Dương Thị L: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu đỏ trắng đen, biển kiểm soát 29Y1 - 107.62 đã qua sử dụng và 01 chìa khóa xe.

* Bị cáo T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như viện kiểm sát đã truy tố.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

Khoảng 08$^{h}$00$^{'}$ ngày 21/8/2019, tại khu vực tổ 10, phường P, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn, Nguyễn Văn T đã có hành vi cất giữ, cất giấu bất hợp pháp 0,25 (không phẩy hai lăm) gam chất ma túy (loại heroine). Mục đích Nguyễn Văn T tàng trữ trái phép chất ma tuý là phục vụ nhu cầu sử dụng chất ma tuý của bản thân; ngoài ra không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo điểm c, khoản 1, điều 249/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Xét tính chất hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của nhà nước về các chất ma tuý, làm gia tăng tội phạm, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thấy:

Bị cáo có nhân thân xấu: bản thân đã có 01 (một) tiền sự: ngày 16/5/2019 bị công an huyện M, tỉnh Bắc Kạn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với mức xử phạt 1.500.000 đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) (Theo quyết định số 25/QĐ – XPVPHC); bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, bố mẹ đẻ của bị cáo là ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị T đều được tặng huân chương kháng chiến - theo quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

Vật chứng: - 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì ký hiệu T128 và dòng chữ " Vụ: Nguyễn Văn T (1976) tàng trữ trái phép chất ma túy", mặt sau phong bì có 04 (bốn) chữ ký không đọc được và 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn, tình trạng phong bì niêm phong còn nguyên vẹn; 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì ký hiệu A2 và dòng chữ "Phong bì, gói nhựa, túi nilon cũ niêm phong lưu hồ sơ vụ án", mặt sau phong bì có 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Bắc Kạn, 06 (sáu)

chữ ký không đọc được, 01 (một) chữ T, 01 (một) dòng chữ Nguyễn Văn T, tình trạng phong bì niêm phong còn nguyên vẹn: tất cả không có giá trị, tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL vỏ màu xám đã qua sử dụng, có số IMEL1: 352399104280789 và số IMEL2: 352399104280797 bên trong có chứa 01 (một) sim điện thoại Viettel có số thuê bao 0355756529: tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo T.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu đỏ trắng đen, biển kiểm soát 29Y1 - 107.62 đã qua sử dụng và 01 chìa khóa xe: quá trình điều tra, xác minh làm rõ được chiếc xe mô tô này là tài sản hợp pháp của chị Dương Thị L (vợ của bị cáo T). Việc Nguyễn Văn T sử dụng chiếc xe trên vào việc phạm tội thì chị L không biết, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T và người có quyền lợi liên quan Dương Thị L đều khai phù hợp nhau về nguồn gốc chiếc xe và đều có yêu cầu được trả lại chiếc xe trên cho chị Dương Thị L, do đó hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu đỏ trắng đen, biển kiểm soát 29Y1 - 107.62 đã qua sử dụng và 01 chìa khóa xe cho chị Dương Thị L là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nguồn gốc ma tuý, bị cáo T khai mua của một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể tại khu vực bến xe khách BK thuộc tổ 9b, phường Đ, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn với giá 500.000 đ (Năm trăm nghìn đồng) vào ngày 20/8/2019, cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý.

Tài liệu trong hồ sơ vụ án xác định bị cáo không có tài sản để đảm bảo cho việc thi hành án, nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo T.

Bị cáo T phải chịu tiền án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, đúng quy định.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn T phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

* Căn cứ vào điểm c, khoản 1, Điều 249; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

Xử phạt: Nguyễn Văn T: 13 (Mười ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 21/8/2019 đến ngày 30/8/2019.

* Vật chứng: Áp dụng điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì ký hiệu T128 và dòng chữ “ Vụ: Nguyễn Văn T (1976) tàng trữ trái phép chất ma túy”, mặt

sau phong bì có 04 (bốn) chữ ký không đọc được và 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn, tình trạng phong bì niêm phong còn nguyên vẹn; 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì ký hiệu A2 và dòng chữ " Phong bì, gói nhựa, túi nilon cũ niêm phong lưu hồ sơ vụ án", mặt sau phong bì có 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Bắc Kạn, 06 (sáu) chữ ký không đọc được, 01 (một) chữ T, 01 (một) dòng chữ Nguyễn Văn T, tình trạng phong bì niêm phong còn nguyên vẹn.

- Tạm giữ: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL vỏ màu xám đã qua sử dụng, có số IMEL1: 352399104280789 và số IMEL2: 352399104280797 bên trong có chứa 01 (một) sim điện thoại Viettel có số thuê bao 0355756529: để đảm bảo thi hành án cho bị cáo T.

- Trả lại cho chị Dương Thị L: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu đỏ trắng đen, biển kiểm soát 29Y1 - 107.62 có số khung JC52E 4326201 (tình trạng xe đã cũ, đã qua sử dụng, xe không có gương chiếu hậu bên phải, yên màu xanh đen) và 01 chìa khóa xe.

* Về án phí: Căn cứ Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi liên quan Dương Thị L có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Triệu Thị Vang**

Nơi nhận:
- VKSTBK: 1
- VKSTPBK: 2
- CATPBK: 2
- Bị cáo: 1
- NCQLLQ: 1
- STPTBK: 1
- TA tỉnh: 1
- T.H.A: 2
- Lưu hồ sơ: 1
- Lưu VP: 1.